ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 393 /HD-UBND	*Thanh Hóa, ngày* 10 *tháng* 10 *năm 2026*

HƯỚNG DẪN
Triển khai Mô hình chuyển đổi số cấp xã trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa

Căn cứ Quyết định số 1425/QĐ-TTg ngày 29/7/2026 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số (phiên bản 1.0), Công văn số 2763/BKHCN-CĐSQG ngày 29/4/2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc hướng dẫn triển khai Mô hình chuyển đổi số cấp xã; trên cơ sở tham mưu của Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 4718/TTr-SKHCN ngày 07/10/2026, Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn triển khai Mô hình chuyển đổi số cấp xã *(sau đây gọi tắt là Mô hình)* trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Triển khai thống nhất Mô hình chuyển đổi số cấp xã trên địa bàn các xã, phường theo đúng hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ tại Công văn số 2763/BKHCN-CĐSQG ngày 29/4/2026, bảo đảm đồng bộ với Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số và Khung kiến trúc số tỉnh Thanh Hóa.

2. Phân định rõ thành phần dùng chung, thành phần thiết yếu triển khai tại cấp xã và thành phần bổ sung theo điều kiện địa bàn; làm cơ sở tổ chức đầu tư, khai thác, vận hành, quản trị và đánh giá.

3. Ưu tiên khai thác hạ tầng, nền tảng, cơ sở dữ liệu, ứng dụng và kênh tương tác dùng chung do cấp Trung ương và cấp tỉnh cung cấp; cấp xã không đầu tư riêng lẻ các thành phần đã được cung cấp tập trung; tận dụng tối đa hạ tầng, dữ liệu và hệ thống hiện có.

4. Bảo đảm dữ liệu được tạo lập, cập nhật, chuẩn hóa, lưu trữ, chia sẻ và khai thác theo nguyên tắc "đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung"; bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu cá nhân.

5. Bảo đảm bao trùm số, hỗ trợ người dân và doanh nghiệp tiếp cận dịch vụ số; ưu tiên nhóm yếu thế, người thiếu thiết bị hoặc kỹ năng số; triển khai linh hoạt theo điều kiện địa bàn và mức độ trưởng thành chuyển đổi số.

6. Gắn triển khai Mô hình với cải cách hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến, phát triển kinh tế số, xã hội số, nâng cao chất lượng dữ liệu và hiệu quả quản lý nhà nước; hạn chế phát sinh báo cáo, quy trình và hệ thống riêng lẻ không cần thiết.

II. NGUYÊN TẮC PHÂN ĐỊNH TRÁCH NHIỆM VÀ TRIỂN KHAI

1. Mô hình chuyển đổi số cấp xã là một thành phần trong kiến trúc số cấp tỉnh và phải thống nhất với Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số; triển khai theo cấu trúc 04 lớp kiến trúc và 02 thành phần xuyên suốt.

2. Ưu tiên dùng chung: nền tảng, hạ tầng, dữ liệu, ứng dụng và kênh tương tác do cấp Trung ương/cấp tỉnh cung cấp được ưu tiên khai thác; không phát triển mới chức năng trùng lặp.

3. Cấp Trung ương cung cấp các thành phần dùng chung quốc gia; cấp tỉnh cung cấp, tích hợp, vận hành tập trung các thành phần dùng chung cấp tỉnh; cấp xã triển khai tại cơ sở, khai thác và cập nhật dữ liệu theo phân cấp.

4. Dữ liệu là tài sản dùng chung; cấp xã chịu trách nhiệm về dữ liệu do mình tạo lập, cập nhật và quản lý; cơ quan chủ quản chịu trách nhiệm về dữ liệu chuyên ngành thuộc phạm vi quản lý.

5. An toàn thông tin, an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu cá nhân phải được bảo đảm xuyên suốt vòng đời hệ thống, từ đề xuất, thiết kế, triển khai, vận hành, khai thác, nâng cấp đến chấm dứt sử dụng.

6. Triển khai linh hoạt theo địa bàn: đô thị; nông thôn; miền núi, biên giới, hải đảo hoặc địa bàn có điều kiện đặc thù. Thành phần bổ sung chỉ triển khai khi có nhu cầu, khả năng đáp ứng và ý kiến thống nhất của cấp tỉnh.

7. Ưu tiên hiệu quả sử dụng: mọi thành phần đề xuất phải xác định rõ mục tiêu, đối tượng sử dụng, dữ liệu đầu vào/đầu ra, khả năng tích hợp, phương án vận hành và nguồn lực duy trì; không triển khai theo phong trào.

8. Khai thác, sử dụng các nền tảng trí tuệ nhân tạo (AI), trợ lý ảo và công cụ hỗ trợ tác nghiệp số phải tuân thủ Luật Trí tuệ nhân tạo năm 2025 và Nghị định số 142/2026/NĐ-CP ngày 30/4/2026; bảo đảm phân loại, đánh giá rủi ro hệ thống AI; kiểm soát dữ liệu đầu vào, minh bạch hóa kết quả; không sử dụng AI để ra quyết định hành chính ảnh hưởng đến quyền lợi của cá nhân mà không có sự giám sát của con người.

III. CẤU TRÚC VÀ PHẠM VI TRÁCH NHIỆM

1. Cấu trúc:

Mô hình được triển khai theo 04 lớp kiến trúc và 02 thành phần xuyên suốt, thống nhất với Tài liệu hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ. Nội dung cụ thể gồm:

- Lớp 1. Hạ tầng số và an ninh mạng
- Lớp 2. Dữ liệu và nền tảng lõi
- Lớp 3. Ứng dụng và nghiệp vụ
- Lớp 4. Kênh tương tác và đo lường hiệu quả
- Thành phần xuyên suốt: Vận hành – quản trị
- Thành phần xuyên suốt: Nguồn lực – nhân lực

2. Phạm vi trách nhiệm

Việc triển khai Mô hình chuyển đổi số cấp xã trên địa bàn tỉnh được thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền và phạm vi quản lý của từng cơ quan, đơn vị; bảo đảm rõ đầu mối, rõ trách nhiệm, không chồng chéo**.**

Phân định cụ thể trách nhiệm đối với từng thành phần của Mô hình thực hiện theo **Phụ lục 01** kèm theo văn bản này.

IV. PHẠM VI, NỘI DUNG TRIỂN KHAI TẠI CẤP XÃ

1. Nhóm thành phần dùng chung do Trung ương, cấp tỉnh cung cấp (cấp xã khai thác, không đầu tư mới)

UBND các xã, phường khai thác, sử dụng các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, nền tảng và dịch vụ số dùng chung do Trung ương, cấp tỉnh hoặc cơ quan có thẩm quyền cung cấp theo tài khoản, quyền truy cập và phạm vi được phân cấp, phân quyền.

Các thành phần dùng chung được phân loại theo nguồn cung cấp và phạm vi sử dụng, gồm:

a) Nền tảng số dùng chung quốc gia theo Quyết định số 1132/QĐ-TTg ngày 24/6/2026 của Thủ tướng Chính phủ

UBND các xã, phường thực hiện khai thác, sử dụng các nền tảng số dùng chung quốc gia thuộc Nhóm A và Nhóm B theo danh mục, phạm vi và lộ trình triển khai do cơ quan có thẩm quyền quy định (Quyết định số 1132/QĐ-TTg ngày 24/6/2026).

Đối với các nền tảng số đã được Trung ương cung cấp và triển khai thống nhất, cấp xã không xây dựng, mua sắm hoặc triển khai hệ thống có chức năng, mục tiêu, phạm vi tương tự; thực hiện kết nối, tích hợp, khai thác và sử dụng theo tài khoản, phân quyền và hướng dẫn của cơ quan quản lý.

b) Các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu và dịch vụ số dùng chung do Trung ương cung cấp

UBND các xã, phường khai thác, sử dụng các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia, dịch vụ số và các dịch vụ xác thực, định danh, ký số, chia sẻ dữ liệu do các cơ quan Trung ương quản lý, cung cấp theo chức năng, nhiệm vụ và phạm vi được phân quyền.

Việc khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác được thực hiện thông qua các phương thức kết nối, chia sẻ, khai thác dữ liệu theo quy định; cấp xã không tự thiết lập kết nối hoặc hình thành cơ sở dữ liệu độc lập có nội dung trùng lặp với dữ liệu quốc gia, dữ liệu dùng chung. Việc khai thác dữ liệu phải bảo đảm đúng thẩm quyền, mục đích sử dụng, an toàn thông tin và bảo vệ dữ liệu cá nhân.

c) Hệ thống, nền tảng, cơ sở dữ liệu và ứng dụng dùng chung cấp tỉnh

Cấp xã khai thác, sử dụng các hệ thống, nền tảng, cơ sở dữ liệu và ứng dụng dùng chung do tỉnh cung cấp, phù hợp với Khung kiến trúc số tỉnh Thanh Hóa, chức năng, nhiệm vụ và phạm vi phân quyền, gồm: Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP); Nền tảng phân tích, tổng hợp dữ liệu; Kho dữ liệu dùng chung; Trung tâm dữ liệu tỉnh; Mạng truyền số liệu chuyên dùng cấp II; Hệ thống giám sát an toàn thông tin/SOC; Bản đồ số; Hệ thống đăng nhập tập trung; Hệ thống quản lý văn bản và hồ sơ công việc; Hệ thống báo cáo; Hệ thống theo dõi nhiệm vụ; Hệ thống thông tin nguồn; Hệ thống hội nghị trực tuyến và các hệ thống, nền tảng dùng chung khác theo quy định.

UBND xã, phường có trách nhiệm khai thác, sử dụng, cập nhật và cung cấp dữ liệu thuộc phạm vi, trách nhiệm được phân cấp; bảo đảm các điều kiện về hạ tầng, thiết bị, nhân lực và an toàn thông tin tại chỗ để kết nối, khai thác, sử dụng các hệ thống được cung cấp; chủ động phối hợp với cơ quan chủ quản, đơn vị quản lý, vận hành hoặc đầu mối hỗ trợ kỹ thuật để xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình sử dụng.

Không tự đầu tư, xây dựng hệ thống, nền tảng hoặc cơ sở dữ liệu riêng có chức năng tương ứng với các thành phần đã được Trung ương hoặc tỉnh cung cấp, vận hành tập trung**,** trừ trường hợp có yêu cầu đặc thù được cấp có thẩm quyền chấp thuận.

Danh mục nền tảng số, hệ thống thông tin, CSDL và dịch vụ dùng chung, đơn vị quản lý; cơ chế cấp tài khoản, phân quyền và đầu mối hỗ trợ thực hiện theo **Phụ lục 02** gửi kèm theo.

2. Nhóm thành phần thiết yếu cấp xã chủ trì triển khai (áp dụng bắt buộc)

a) Hạ tầng số và an toàn thông tin cơ sở: Bảo đảm hạ tầng mạng nội bộ (LAN), kết nối Internet băng rộng, kết nối Mạng truyền số liệu chuyên dùng theo phạm vi được phân cấp; thiết bị đầu cuối phục vụ công tác chuyên môn; thiết bị số hóa; thiết bị phục vụ họp trực tuyến; thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn thông tin tại cấp xã, ...

b) Dữ liệu cơ sở: Số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính; tạo lập, cập nhật dữ liệu kinh tế - xã hội và dữ liệu quản lý địa bàn; thực hiện chuẩn hóa, lưu trữ, chia sẻ và khai thác dữ liệu theo quy định, bảo đảm nguyên tắc "đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung".

c) Ứng dụng và nghiệp vụ:

- **Chính quyền số:** Xử lý hồ sơ công việc điện tử; ký số văn bản; Vận hành Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã; giải quyết thủ tục hành chính trực tuyến; thực hiện báo cáo số; nghiệp vụ quản trị, tài chính và các nghiệp vụ chính quyền số khác theo các hệ thống được cung cấp, phân quyền.

- **Kinh tế số:** Hỗ trợ hộ kinh doanh, doanh nghiệp, hợp tác xã tiếp cận thương mại điện tử, thanh toán số và các công cụ, nền tảng giao dịch số theo chương trình, hướng dẫn của tỉnh.

- **Xã hội số:** Tổ chức điểm hỗ trợ, hướng dẫn người dân sử dụng dịch vụ số, dịch vụ công trực tuyến, định danh điện tử và các tiện ích số; duy trì, phát huy vai trò của Tổ công nghệ số cộng đồng trong hỗ trợ người dân, doanh nghiệp.

d) Kênh tương tác: Tổ chức, vận hành Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã; khai thác, cập nhật Trang thông tin điện tử cấp xã; tiếp nhận, xử lý hoặc chuyển xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp theo thẩm quyền; khai thác Ứng dụng số Thanh Hóa và các kênh tương tác dùng chung khác do tỉnh cung cấp.

đ) Đo lường hiệu quả: Cập nhật, cung cấp dữ liệu thuộc phạm vi quản lý phục vụ Dashboard, Trung tâm giám sát, điều hành thông minh (IOC) tỉnh và các hệ thống giám sát, đánh giá theo quy định; tổ chức hoặc phối hợp thực hiện khảo sát, đánh giá mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp đối với việc cung cấp dịch vụ và triển khai chuyển đổi số tại cấp xã.

3. Nhóm thành phần bổ sung theo loại địa bàn (cấp xã rà soát, đề xuất; cấp tỉnh thẩm tra, quyết định)

Trên cơ sở đặc điểm địa bàn, điều kiện kinh tế - xã hội, hiện trạng hạ tầng số và nhu cầu quản lý, điều hành, phục vụ người dân, doanh nghiệp, UBND các xã, phường tổ chức rà soát, xác định nhu cầu và đề xuất các thành phần bổ sung ngoài các thành phần dùng chung do Trung ương, cấp tỉnh cung cấp và các thành phần thiết yếu quy định tại khoản 2 Mục này.

a) Đối với phường, địa bàn đô thị

Tùy điều kiện thực tế, ưu tiên rà soát, đề xuất các thành phần sau:

- Điểm truy cập Wi-Fi công cộng tại các khu vực, địa điểm công cộng có nhu cầu;

- Giải pháp camera và giám sát số phục vụ quản lý an ninh, trật tự, giao thông, vệ sinh môi trường và quản lý đô thị theo chức năng, nhiệm vụ;

- Thiết bị, cảm biến và giải pháp IoT phục vụ giám sát môi trường, hạ tầng, giao thông và các lĩnh vực quản lý đô thị phù hợp;

- Các giải pháp số, Bảng điện tử, hệ thống thông tin công cộng phục vụ cung cấp thông tin, tuyên truyền và tương tác với người dân; khảo sát, lấy ý kiến người dân và tương tác với cộng đồng dân cư theo nhu cầu đặc thù của địa bàn;

- Hệ thống truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông và các giải pháp thông tin, tuyên truyền số phục vụ cộng đồng dân cư;

- Giải pháp số phục vụ quản lý trật tự đô thị, vệ sinh môi trường, chiếu sáng, giao thông và các lĩnh vực quản lý đô thị khác;

- Giải pháp số phục vụ quản lý chợ, khu thương mại, phố thương mại và các hoạt động kinh doanh trên địa bàn;

- Các thành phần hạ tầng, nền tảng, ứng dụng số khác phù hợp với nhu cầu và điều kiện thực tế.

b) Đối với xã, địa bàn nông thôn

Tùy điều kiện thực tế, ưu tiên rà soát, đề xuất:

- Điểm truy cập Internet công cộng tại nhà văn hóa, điểm sinh hoạt cộng đồng và các địa điểm phù hợp;

- Hệ thống truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông;

- Giải pháp số phục vụ quản lý, theo dõi và hỗ trợ sản xuất nông nghiệp và phát triển kinh tế nông thôn;

- Giải pháp số hỗ trợ hợp tác xã, sản phẩm OCOP và sản phẩm đặc trưng của địa phương;

- Giải pháp thương mại điện tử, quảng bá, kết nối tiêu thụ sản phẩm địa phương và truy xuất nguồn gốc;

- Các kênh, nhóm cộng đồng số tại thôn, bản, tổ dân phố phục vụ tuyên truyền, trao đổi thông tin và hỗ trợ người dân;

- Giải pháp số phục vụ xây dựng nông thôn mới, phát triển du lịch nông thôn và các hoạt động kinh tế - xã hội phù hợp với địa bàn;

- Các thành phần hạ tầng, nền tảng, ứng dụng số khác phù hợp với nhu cầu và điều kiện thực tế.

c) Đối với xã, phường miền núi, biên giới, hải đảo

Tùy điều kiện thực tế, ưu tiên rà soát, đề xuất:

- Giải pháp bảo đảm kết nối số và thông tin liên lạc, phù hợp với điều kiện địa hình, dân cư, bao gồm 4G, 5G và các giải pháp kết nối phù hợp khác;

- Điểm hỗ trợ số tại các khu vực còn khó khăn trong tiếp cận công nghệ và dịch vụ số;

- Giải pháp hỗ trợ người dân tiếp cận, thực hiện dịch vụ công trực tuyến, nhất là đối với người cao tuổi, người dân ở khu vực khó khăn và các nhóm hạn chế về kỹ năng số;

- Giải pháp số phục vụ an sinh xã hội, giảm nghèo và hỗ trợ các nhóm đối tượng yếu thế;

- Giải pháp quảng bá du lịch cộng đồng, văn hóa, di sản và sản phẩm đặc trưng của địa phương;

- Giải pháp thương mại điện tử, quảng bá và tiêu thụ đặc sản, sản phẩm địa phương;

- Giải pháp hỗ trợ hợp tác xã, hộ sản xuất, kinh doanh và phát triển sinh kế;

- Giải pháp hỗ trợ tiếp cận dịch vụ y tế từ xa, giáo dục và học tập trực tuyến khi có nhu cầu và đủ điều kiện triển khai;

- Giải pháp số phục vụ phòng, chống thiên tai, cảnh báo, thông tin liên lạc và ứng phó tình huống khẩn cấp phù hợp với đặc điểm địa bàn;

- Các thành phần hạ tầng, nền tảng, ứng dụng số khác phù hợp với nhu cầu và điều kiện thực tế.

d) Đối với địa bàn có đặc thù khác

Đối với xã, phường có đặc điểm đặc thù về du lịch, khu kinh tế, khu công nghiệp, ven biển, vùng sản xuất tập trung, khu dân cư có mật độ cao hoặc các khu vực có yêu cầu quản lý chuyên ngành, UBND cấp xã căn cứ nhu cầu thực tế để rà soát, đề xuất các thành phần số phù hợp.

Việc đề xuất phải xác định rõ mục tiêu, đối tượng phục vụ, phạm vi triển khai, dữ liệu sử dụng, khả năng kết nối với các hệ thống dùng chung, phương án vận hành và nguồn lực thực hiện.

*(Biểu mẫu khảo sát hiện trạng và đề xuất triển khai Mô hình chuyển đổi số cấp xã thực hiện theo **Phụ lục 04**).*

4. Thành phần xuyên suốt: Vận hành – quản trị

UBND cấp xã tổ chức quản lý, khai thác và vận hành các thành phần thuộc phạm vi được phân cấp, bảo đảm:

- Quản lý, khai thác các hệ thống, nền tảng, cơ sở dữ liệu và dịch vụ số theo phân cấp; xác định rõ đầu mối phụ trách, đơn vị chủ quản và đầu mối hỗ trợ.

- Quản lý tài khoản, phân quyền, nhật ký truy cập; kịp thời điều chỉnh, thu hồi quyền khi thay đổi nhân sự, nhiệm vụ.

- Cập nhật, khai thác dữ liệu đầy đủ, chính xác, đúng thời hạn; thực hiện quy trình nghiệp vụ trên môi trường số, hạn chế nhập liệu và hồ sơ trùng lặp.

- Tiếp nhận, phối hợp xử lý sự cố; thực hiện sao lưu, khôi phục và các yêu cầu kỹ thuật theo hướng dẫn của cơ quan chủ quản, đơn vị vận hành.

- Bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu cá nhân trong quá trình khai thác, sử dụng.

- Theo dõi, đánh giá hiệu quả khai thác; rà soát, đề xuất điều chỉnh hoặc thay thế các giải pháp không còn phù hợp, tránh đầu tư và triển khai trùng lặp.

- Không tự tổ chức vận hành độc lập các nền tảng, hệ thống dùng chung do Trung ương hoặc cấp tỉnh vận hành tập trung.

5. Thành phần xuyên suốt: Nguồn lực và nhân lực

UBND cấp xã chủ động bố trí nhân lực, kinh phí và các điều kiện cần thiết để triển khai, duy trì và khai thác hiệu quả Mô hình, bảo đảm:

- Bố trí đầu mối phụ trách chuyển đổi số, dữ liệu và an toàn thông tin theo quy định và điều kiện thực tế.

- Cử cán bộ tham gia đào tạo, bồi dưỡng; cập nhật kỹ năng về TTHC, quản lý văn bản, số hóa hồ sơ, dữ liệu, an toàn thông tin và khai thác nền tảng dùng chung.

- Duy trì, củng cố Tổ công nghệ số cộng đồng, gắn với Phong trào "Bình dân học vụ số", hỗ trợ người dân sử dụng dịch vụ số.

- Rà soát, bố trí kinh phí, trang thiết bị và các điều kiện cần thiết để thực hiện Mô hình theo phân cấp.

- Ưu tiên sử dụng nền tảng, hạ tầng và dữ liệu dùng chung; thuê dịch vụ số/CNTT khi phù hợp, hạn chế đầu tư riêng lẻ, trùng lặp.

- Huy động, phối hợp với doanh nghiệp và các lực lượng hỗ trợ trong đào tạo, hỗ trợ kỹ thuật và phổ cập kỹ năng số.

- Bố trí nguồn lực theo lộ trình và mức độ trưởng thành chuyển đổi số, phù hợp điều kiện thực tế của từng địa bàn.

V. CƠ CHẾ HỖ TRỢ KỸ THUẬT

Thiết lập cơ chế hỗ trợ kỹ thuật tập trung, thống nhất một đầu mối cấp tỉnh để hỗ trợ các xã, phường trong quá trình khai thác, vận hành các thành phần của Mô hình:

1. Đầu mối hỗ trợ kỹ thuật: Các cơ quan chủ quản hệ thống, nền tảng, cơ sở dữ liệu và dịch vụ số có trách nhiệm xác định, công bố và duy trì đầu mối hỗ trợ đối với các hệ thống thuộc phạm vi quản lý; hướng dẫn UBND các xã, phường liên hệ, tiếp nhận và xử lý các yêu cầu hỗ trợ theo chức năng, phạm vi trách nhiệm.

Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì điều phối cơ chế hỗ trợ kỹ thuật tập trung cấp tỉnh (tổ chức "Tổ hỗ trợ kỹ thuật cấp tỉnh"); hướng dẫn thống nhất việc phân tuyến, phối hợp xử lý và theo dõi các vấn đề có tính chất liên ngành, liên hệ thống hoặc liên quan đến kiến trúc, kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu và các nền tảng dùng chung cấp tỉnh.

2. Hỗ trợ vận hành các nền tảng dùng chung: Cơ quan chủ quản, đơn vị vận hành và doanh nghiệp cung cấp nền tảng bố trí lực lượng hỗ trợ kỹ thuật theo phạm vi được giao, bảo đảm vận hành thông suốt các hệ thống, nền tảng và cơ sở dữ liệu; phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ khi phát sinh vấn đề cần xử lý liên ngành, liên hệ thống hoặc liên quan đến kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu.

3. Hỗ trợ an toàn thông tin mạng: Công an tỉnh chủ trì giám sát an toàn thông tin tập trung (SOC) cho các xã, phường; hướng dẫn xử lý sự cố an toàn thông tin; tổ chức diễn tập thực chiến; cảnh báo, ứng cứu khi có sự cố.

4. Các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, phường thực hiện tiếp nhận, phản ánh và phối hợp xử lý sự cố theo đúng đầu mối, tuyến hỗ trợ của từng hệ thống; trường hợp vấn đề không thuộc phạm vi xử lý của một hệ thống hoặc cần phối hợp nhiều cơ quan, thực hiện chuyển tuyến, phối hợp xử lý theo cơ chế do Sở Khoa học và Công nghệ hướng dẫn.

5. Hướng dẫn, hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số: Ban hành tài liệu hướng dẫn, video hướng dẫn, sổ tay khai thác; tổ chức đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số cho cán bộ, công chức cấp xã và thành viên Tổ công nghệ số cộng đồng gắn với Phong trào "Bình dân học vụ số"; ưu tiên hình thức trực tuyến, đào tạo theo nhu cầu, "cầm tay chỉ việc".

Thông tin đầu mối tiếp nhận, thời gian xử lý, quy trình phân tuyến và danh sách đơn vị hỗ trợ được Sở Khoa học và Công nghệ công bố/cập nhật theo tình hình thực tế; không cố định trong Hướng dẫn này để thuận lợi điều chỉnh.

*(Thông tin đầu mối, cơ chế hỗ trợ kỹ thuật thực hiện theo **Phụ lục 02**)*

VI. QUY TRÌNH VÀ LỘ TRÌNH TRIỂN KHAI

1. Quy trình triển khai

Thực hiện theo các bước quy định tại Mục 3 Công văn số 2763/BKHCN-CĐSQG, cụ thể:

Bước 1 (đã thực hiện cùng văn bản này): Ủy ban nhân dân tỉnh xác định, phân định phạm vi, trách nhiệm triển khai Mô hình giữa Trung ương, cấp tỉnh và cấp xã (**Mục III** và **Phụ lục 01**).

Bước 2 (văn bản này): Ủy ban nhân dân tỉnh thông báo, hướng dẫn Ủy ban nhân dân các xã, phường về phạm vi, nội dung, quy trình triển khai Mô hình.

Bước 3: Ủy ban nhân dân xã, phường rà soát hiện trạng, nhu cầu và đề xuất các thành phần cần triển khai; gửi Sở Khoa học và Công nghệ theo biểu mẫu tại **Phụ lục 04**.

Bước 4: Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp, rà soát, đánh giá sự phù hợp với Khung kiến trúc số tỉnh, khả năng dùng chung/tích hợp, nguồn lực và hiệu quả; phối hợp sở, ngành liên quan; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định danh mục và phương án triển khai.

Bước 5: Giao Sở Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm toàn diện tổ chức triển khai; Ủy ban nhân dân các xã, phường triển khai theo phân cấp, phân quyền; cập nhật dữ liệu địa phương; cung cấp dịch vụ số; tương tác với người dân, doanh nghiệp và báo cáo kết quả.

2. Lộ trình triển khai

Lộ trình tổng thể, nhiệm vụ trọng tâm, sản phẩm đầu ra, đơn vị chủ trì, đơn vị phối hợp và thời gian thực hiện được xác định cụ thể tại **Phụ lục 03** kèm theo Hướng dẫn này.

Đối với các nhiệm vụ đòi hỏi nhiều nguồn lực như số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính; tái sử dụng dữ liệu số hóa; cập nhật dữ liệu địa phương; hỗ trợ người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ số và triển khai các thành phần bổ sung theo loại địa bàn, thực hiện theo lộ trình, hướng dẫn của cơ quan chủ quản và quyết định của cấp có thẩm quyền; bảo đảm có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với điều kiện thực tế, khả năng cân đối nguồn lực, tránh dàn trải, quá tải và đầu tư trùng lặp.

Việc rà soát, cập nhật danh mục thành phần, nhu cầu nguồn lực và lộ trình triển khai được thực hiện định kỳ hoặc khi có thay đổi về chủ trương, hướng dẫn của Trung ương, Khung kiến trúc số tỉnh, điều kiện thực tế hoặc yêu cầu quản lý.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Là cơ quan đầu mối tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, điều phối và tổ chức triển khai Mô hình chuyển đổi số cấp xã trên địa bàn tỉnh; chủ trì hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, đánh giá và tổng hợp tình hình thực hiện của các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị và UBND các xã, phường.

b) Chủ trì tiếp nhận, tổng hợp, rà soát và thẩm tra các đề xuất của UBND các xã, phường về các thành phần bổ sung của Mô hình; đánh giá sự phù hợp với Khung kiến trúc số tỉnh, khả năng dùng chung, kết nối, tích hợp, dữ liệu, an toàn thông tin, hiệu quả và nguồn lực thực hiện; phối hợp với các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị liên quan, tham mưu UBND tỉnh xem xét, quyết định danh mục, lộ trình và phương án triển khai theo thẩm quyền.

c) Chủ trì tham mưu ban hành, cập nhật Danh mục dữ liệu cấp xã phải tạo lập, cập nhật, chia sẻ; hướng dẫn về tiêu chuẩn, cấu trúc, biểu mẫu, tần suất cập nhật và yêu cầu chất lượng dữ liệu; phối hợp với các sở, ban, ngành trong quản lý, chuẩn hóa, kết nối, chia sẻ và khai thác dữ liệu.

d) Chủ trì điều phối việc kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu giữa cấp xã với các nền tảng, hệ thống, cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh và các hệ thống của Trung ương theo phạm vi, thẩm quyền; hướng dẫn cấp xã khai thác, sử dụng các nền tảng dùng chung.

đ) Chủ trì tổ chức và điều phối cơ chế hỗ trợ kỹ thuật tập trung cấp tỉnh; hướng dẫn thiết lập và công bố đầu mối hỗ trợ của cơ quan chủ quản, đơn vị vận hành đối với từng hệ thống, nền tảng, cơ sở dữ liệu và dịch vụ số. Chủ trì phối hợp xử lý các vấn đề liên quan đến kiến trúc, kết nối, tích hợp, liên thông giữa các hệ thống và các vấn đề kỹ thuật có tính chất liên ngành, liên hệ thống; phối hợp với cơ quan chủ quản, đơn vị vận hành và doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trong quá trình xử lý các khó khăn, vướng mắc phát sinh.

e) Chủ trì tham mưu, hướng dẫn việc khai thác, sử dụng các nền tảng số, công cụ số và trí tuệ nhân tạo (AI) trong triển khai Mô hình theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

g) Phối hợp với Sở Nội vụ, các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường và các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng số, kỹ năng khai thác nền tảng dùng chung cho cán bộ, công chức cấp xã và thành viên Tổ công nghệ số cộng đồng; gắn với Phong trào "Bình dân học vụ số".

h) Theo dõi, đánh giá mức độ và hiệu quả khai thác các thành phần của Mô hình; tổng hợp các khó khăn, vướng mắc, nhu cầu điều chỉnh, nâng cấp hoặc bổ sung; tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo xử lý, bảo đảm tránh đầu tư, triển khai trùng lặp và nâng cao hiệu quả sử dụng.

i) Trường hợp Bộ Khoa học và Công nghệ có hướng dẫn, tiêu chuẩn hoặc yêu cầu mới liên quan đến Mô hình, Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì rà soát, kịp thời tham mưu UBND tỉnh điều chỉnh, cập nhật Văn bản này bảo đảm phù hợp với quy định và tình hình thực tế.

k) Định kỳ hằng quý hoặc đột xuất tổng hợp tình hình, kết quả triển khai, khó khăn, vướng mắc và đề xuất, tham mưu UBND tỉnh báo cáo Bộ Khoa học và Công nghệ theo quy định.

2. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Quản lý, vận hành các hệ thống thông tin được giao chủ trì thực hiện theo phạm vi chức năng, nhiệm vụ; hướng dẫn, chuẩn hóa và theo dõi việc thực hiện các quy trình nghiệp vụ, giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử; đôn đốc, tổng hợp kết quả thực hiện tại cấp xã theo chức năng, nhiệm vụ.

b) Hướng dẫn, kiểm tra việc tổ chức và vận hành Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã; bảo đảm việc tiếp nhận, giải quyết, trả kết quả thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ công được thực hiện thống nhất, thuận tiện, thông suốt.

c) Theo dõi, đánh giá chất lượng, tiến độ và hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính tại cấp xã; tổng hợp khó khăn, vướng mắc, đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả cung cấp dịch vụ công và trải nghiệm của người dân, tổ chức.

3. Công an tỉnh

a) Hướng dẫn Công an cấp xã quản lý, khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, hệ thống định danh và xác thực điện tử (VNeID) phục vụ triển khai Mô hình chuyển đổi số cấp xã theo chức năng, nhiệm vụ được giao; phối hợp với UBND các xã, phường trong quá trình tổ chức thực hiện.

b) Chủ trì thực hiện công tác bảo đảm an ninh mạng, an toàn thông tin thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao; hướng dẫn các cơ quan, đơn vị và UBND các xã, phường thực hiện các quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân, phòng ngừa, phát hiện và xử lý các nguy cơ, hành vi xâm phạm an ninh mạng, an toàn thông tin theo quy định.

c) Chủ trì hoặc phối hợp giám sát, cảnh báo, xử lý và ứng cứu sự cố an ninh mạng, an toàn thông tin đối với các hệ thống thông tin thuộc phạm vi quản lý và theo thẩm quyền; phối hợp với cơ quan chủ quản, đơn vị vận hành, Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan, đơn vị liên quan trong phòng ngừa, phát hiện, xử lý và ứng cứu sự cố.

d) Phối hợp tuyên truyền, hướng dẫn cán bộ, công chức và người dân nâng cao nhận thức, kỹ năng về định danh điện tử, bảo vệ dữ liệu cá nhân, phòng ngừa lừa đảo và bảo đảm an toàn trên môi trường số.

4. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí hằng năm thực hiện Mô hình theo phân cấp của Luật Ngân sách nhà nước hiện hành, các quy định của pháp luật có liên quan, phù hợp với khả năng cân đối ngân sách và tình hình thực tế của địa phương; ưu tiên hình thức thuê dịch vụ công nghệ thông tin.

5. Sở Nội vụ

Chủ trì triển khai chương trình cải cách hành chính, gắn kết với việc triển khai Mô hình; phối hợp tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực công nghệ thông tin, kỹ năng số cho cán bộ, công chức cấp xã; tham mưu kiện toàn tổ chức, bố trí nhân lực gắn với yêu cầu chuyển đổi số sau sắp xếp đơn vị hành chính.

6. Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh

a) Theo chức năng, nhiệm vụ được giao, chủ trì quản lý, vận hành các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, nền tảng số chuyên ngành thuộc phạm vi quản lý; hướng dẫn, hỗ trợ Ủy ban nhân dân các xã, phường khai thác, sử dụng hiệu quả các hệ thống, nền tảng thuộc phạm vi quản lý.

b) Chủ trì quản lý, chuẩn hóa, cập nhật và chia sẻ dữ liệu chuyên ngành với Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh và các hệ thống dùng chung theo quy định; bảo đảm dữ liệu đầy đủ, chính xác, kịp thời, thống nhất và có khả năng khai thác, chia sẻ theo quy định.

c) Hướng dẫn nghiệp vụ, đào tạo và hỗ trợ cấp xã trong khai thác, sử dụng các hệ thống, cơ sở dữ liệu và nền tảng số chuyên ngành thuộc phạm vi quản lý; phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ trong kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu với các nền tảng dùng chung và xử lý các vấn đề kỹ thuật có tính chất liên ngành, liên hệ thống.

d) Bảo đảm an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu và dữ liệu cá nhân trong phạm vi hệ thống, cơ sở dữ liệu thuộc trách nhiệm quản lý; phối hợp với cơ quan chuyên trách về an ninh mạng, an toàn thông tin và các cơ quan, đơn vị liên quan trong phòng ngừa, phát hiện, xử lý và ứng cứu sự cố theo quy định.

đ) Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc và đánh giá việc triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số thuộc lĩnh vực quản lý tại cấp xã; định kỳ tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện và đề xuất giải pháp tháo gỡ khó khăn, nâng cao hiệu quả triển khai theo quy định.

7. Ủy ban nhân dân các xã, phường

a) Chịu trách nhiệm tổ chức triển khai Mô hình chuyển đổi số cấp xã trên địa bàn; phân công 01 đồng chí lãnh đạo Ủy ban nhân dân trực tiếp phụ trách chuyển đổi số; bố trí công chức đầu mối thực hiện công tác chuyển đổi số, dữ liệu và an toàn thông tin.

b) Khai thác, sử dụng hiệu quả các hệ thống thông tin, nền tảng số, cơ sở dữ liệu và dịch vụ số dùng chung do Trung ương và tỉnh cung cấp; thực hiện đúng quy định, quy trình khai thác, sử dụng; không đầu tư trùng lặp các thành phần đã được triển khai, cung cấp tập trung.

c) Tổ chức triển khai, vận hành các thành phần của Mô hình theo phân cấp; bảo đảm hạ tầng số, thiết bị, kết nối, an toàn thông tin và duy trì hoạt động thường xuyên của Trung tâm Phục vụ hành chính công, Điểm hỗ trợ chuyển đổi số và Tổ công nghệ số cộng đồng.

d) Số hóa hồ sơ, cập nhật, chuẩn hóa, quản lý và chia sẻ dữ liệu thuộc phạm vi quản lý theo quy định; chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác, kịp thời của dữ liệu do cấp xã tạo lập, cập nhật và quản lý.

đ) Đẩy mạnh cung cấp dịch vụ công trực tuyến, tái sử dụng dữ liệu số, hỗ trợ người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ số, thanh toán số, định danh điện tử và các nền tảng số; khuyến khích ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong hoạt động quản lý, điều hành và phục vụ người dân theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

e) Rà soát điều kiện thực tế và xác định nhu cầu về hạ tầng, thiết bị, nền tảng, dữ liệu và các thành phần thiết yếu của Mô hình; tổng hợp, đề xuất Sở Khoa học và Công nghệ theo **Phụ lục 04** trước ngày **30/10/2026**; từ năm 2027, gửi trước ngày **25/02 hằng năm**.

g) Định kỳ hằng quý cập nhật tiến độ triển khai Mô hình; hằng năm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Khoa học và Công nghệ) về kết quả thực hiện; kịp thời báo cáo những khó khăn, vướng mắc phát sinh để được hướng dẫn, hỗ trợ hoặc xem xét, giải quyết theo thẩm quyền.

8. Báo và Phát thanh, Truyền hình Thanh Hóa

a) Tổ chức thông tin, tuyên truyền, phổ biến về Mô hình chuyển đổi số cấp xã và các chủ trương, chính sách về chuyển đổi số trên các phương tiện thông tin, truyền thông; giới thiệu các mô hình, cách làm hay, sáng kiến, giải pháp hiệu quả trong triển khai Mô hình chuyển đổi số cấp xã trên địa bàn tỉnh.

b) Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, các sở, ban, ngành, địa phương thông tin, tuyên truyền các kết quả, tiến độ triển khai Mô hình; kịp thời phản ánh những khó khăn, vướng mắc, vấn đề phát sinh và các yêu cầu thực tiễn trong quá trình triển khai.

9. Các doanh nghiệp viễn thông, doanh nghiệp số trên địa bàn tỉnh

Cung cấp hạ tầng số, nền tảng số, giải pháp công nghệ và dịch vụ kỹ thuật phục vụ triển khai Mô hình theo quy định; bảo đảm tuân thủ kiến trúc, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, an toàn thông tin, an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu cá nhân; phối hợp với cơ quan chủ quản hệ thống, Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan, đơn vị liên quan trong cơ chế hỗ trợ kỹ thuật tập trung của tỉnh; phối hợp đào tạo, hướng dẫn, hỗ trợ kỹ thuật cho cán bộ, công chức cấp xã theo phạm vi cung cấp dịch vụ; phối hợp phát triển, nâng cao chất lượng hạ tầng viễn thông, ưu tiên mở rộng vùng phủ sóng 4G/5G tại các địa bàn khó khăn theo quy hoạch, kế hoạch phát triển hạ tầng viễn thông và quy định hiện hành.

Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu các cơ quan, đơn vị, địa phương nghiêm túc triển khai thực hiện. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời phản ánh về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, hướng dẫn hoặc tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết theo thẩm quyền./.

Nơi nhận:
- Bộ Khoa học và Công nghệ (để b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Công an tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình tỉnh;
- Cổng TTĐT tỉnh (để đăng tải);
- Các Doanh nghiệp viễn thông, Công nghệ số;
- Lưu: VT, NNMT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Cao Văn Cường

PHỤ LỤC 01

PHÂN ĐỊNH PHẠM VI TRÁCH NHIỆM TRIỂN KHAI MÔ HÌNH CHUYỂN ĐỔI SỐ CẤP XÃ GIỮA TRUNG ƯƠNG, CẤP TỈNH VÀ CẤP XÃ

(Kèm theo Hướng dẫn số /HD-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

TT	Thành phần	Trung ương	Cấp tỉnh	Cấp xã
LỚP 1: HẠ TẦNG SỐ VÀ AN NINH MẠNG				
1	Trung tâm dữ liệu quốc gia, Nền tảng điện toán đám mây quốc gia, Mạng truyền số liệu chuyên dùng (HTS1, HTS2)	Xây dựng, vận hành	Khai thác, kết nối, hướng dẫn cấp xã	Khai thác theo phân cấp
2	Trung tâm dữ liệu cấp tỉnh, hạ tầng dùng chung cấp tỉnh (HTS3-5)	Ban hành tiêu chuẩn kỹ thuật	Xây dựng, vận hành tập trung	Khai thác, sử dụng
3	Mạng nội bộ (LAN), Internet băng rộng, kết nối MTSLCD cấp xã (HTS7)		Hướng dẫn kỹ thuật, hỗ trợ	Tổ chức triển khai, duy trì
4	Thiết bị đầu cuối, thiết bị số hóa hồ sơ, thiết bị họp trực tuyến (HTS8)	Ban hành chuẩn cấu hình tối thiểu	Hướng dẫn, hỗ trợ kinh phí	Bố trí, mua sắm, quản lý
5	Wi-Fi công cộng, camera giám sát, truyền thanh IP, IoT, bảng điện tử (HTS10-17)		Hướng dẫn tiêu chuẩn, tích hợp IOC tỉnh	Đề xuất, triển khai theo loại địa bàn
6	Hạ tầng 4G/5G, vệ tinh, Điểm hỗ trợ số cộng đồng, hạ tầng DVC lưu động (HTS18-21)	Chỉ đạo doanh nghiệp viễn thông	Phối hợp doanh nghiệp viễn thông, hỗ trợ	Tổ chức triển khai tại cộng đồng
7	Nền tảng phòng vệ mạng quốc gia, hệ thống chứng thực CKS chuyên dùng công vụ (ANM1, ANM2)	Xây dựng, vận hành	Khai thác, cấp quyền cho cấp xã	Sử dụng theo phân quyền
8	Hệ thống giám sát ATTT/SOC cấp tỉnh, dịch vụ giám sát ATTT cho 166 xã, phường (ANM3-5)		Xây dựng, vận hành tập trung	Phối hợp giám sát, xử lý sự cố
9	Biện pháp ATTT cơ sở, bảo vệ thiết bị đầu cuối, sao lưu dữ liệu (ANM7)		Hướng dẫn kỹ thuật	Tổ chức thực hiện tại cơ sở

TT	Thành phần	Trung ương	Cấp tỉnh	Cấp xã
LỚP 2: DỮ LIỆU VÀ NỀN TẢNG LÕI				
1	Các CSDL quốc gia, CSDL chuyên ngành, CSDL tổng hợp quốc gia, Bản đồ số quốc gia (DL1, DL3)	Xây dựng, vận hành	Khai thác, tích hợp qua LGSP tỉnh	Khai thác qua hệ thống cấp tỉnh
2	Khung kiến trúc dữ liệu, Khung quản trị dữ liệu, Từ điển dữ liệu dùng chung (DL2)	Ban hành khung kiến trúc	Áp dụng, cụ thể hóa Ban hành khung kiến trúc cấp tỉnh, hướng dẫn cấp xã	Tuân thủ
3	Kho dữ liệu dùng chung cấp tỉnh, Kho dữ liệu điện tử tổ chức/cá nhân, CSDL chuyên ngành cấp tỉnh (DL5, DL8)		Xây dựng, quản lý, vận hành	Cập nhật, khai thác
4	Cơ chế quản trị dữ liệu cấp tỉnh, Danh mục dữ liệu cấp xã phải cập nhật, biểu mẫu số, tần suất (DL6, DL7)		Ban hành, hướng dẫn áp dụng	Tuân thủ, cập nhật
5	Số hóa hồ sơ và kết quả giải quyết TTHC; lưu trữ, tra cứu, tái sử dụng dữ liệu (DL10)	Ban hành quy định chung	Vận hành hệ thống TTHC tỉnh, hướng dẫn	Tổ chức số hóa, không yêu cầu nộp lại
6	Cập nhật dữ liệu KT-XH địa phương và dữ liệu quản lý địa bàn theo danh mục cấp tỉnh (DL11)		Ban hành danh mục, biểu mẫu, kiểm soát chất lượng	Cập nhật đầy đủ, chính xác, kịp thời
7	Chuẩn hóa, lưu trữ, chia sẻ, khai thác dữ liệu theo nguyên tắc "đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung" (DL12)	Ban hành nguyên tắc	Hướng dẫn thực hiện	Tổ chức chuẩn hóa, lưu trữ tại cấp xã
8	Dữ liệu bổ sung theo loại địa bàn (đô thị/nông thôn/đặc thù) (DL14-28)		Hướng dẫn, tích hợp IOC tỉnh	Đề xuất, thu thập, cập nhật
9	NDXP, NDOP, V-APEX, VNeID, Nền tảng AI quốc gia (NTL1)	Xây dựng, vận hành	Khai thác, kết nối, cấp quyền cho cấp xã	Sử dụng theo quy định
10	Nhóm nền tảng số dùng chung quốc gia sử dụng chung cho các ngành, lĩnh vực: Nhóm A – Quyết định số	Xây dựng, vận hành	Khai thác, kết nối, cấp quyền cho cấp xã	Sử dụng theo quy định

TT	Thành phần	Trung ương	Cấp tỉnh	Cấp xã
	1132/QĐ-TTg ngày 24 tháng 6 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ (NTL2)			
11	LGSP cấp tỉnh, nền tảng tổng hợp, phân tích dữ liệu, Nền tảng IOC, … (NTL4, NTL5)		Xây dựng, vận hành tập trung	Khai thác, sử dụng
LỚP 3: ỨNG DỤNG VÀ NGHIỆP VỤ				
1	Cổng DVC quốc gia, Trục liên thông văn bản quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết TTHC, Hệ thống báo cáo quốc gia (ƯDCQS1, ƯDCQS2)	Xây dựng, vận hành	Tích hợp, phân quyền cho cấp xã	Khai thác, sử dụng
2	Thành phần ứng dụng phục vụ Chính phủ số dùng chung do cấp Trung ương cung cấp khác; các ứng dụng, nền tảng thuộc Nhóm B – Quyết định số 1132/QĐ-TTg ngày 24 tháng 6 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ (ƯDCQS2)	Xây dựng, vận hành	Tích hợp, phân quyền cho cấp xã	Khai thác, sử dụng
3	Hệ thống chỉ đạo, điều hành tỉnh; Theo dõi nhiệm vụ; IOC tỉnh; phần mềm chuyên ngành; Hệ thống thông tin nguồn; Quản lý Văn bản và Hồ sơ công việc, Họp trực tuyến (ƯDCQS4, ƯDCQS5)		Triển khai tập trung	Khai thác, sử dụng theo phân quyền
4	Công cụ hỗ trợ tác nghiệp số (trợ lý ảo, tra cứu, tổng hợp, soạn thảo) (ƯDCQS7)		Cung cấp, hướng dẫn	Sử dụng
5	Ứng dụng đô thị/nông thôn (phản ánh hiện trường, trật tự đô thị, môi trường, nông nghiệp, OCOP, HTX, truyền thanh) (ƯDCQS9-18)		Hướng dẫn, tích hợp IOC	Triển khai theo địa bàn
5	Xử lý hồ sơ điện tử, ký số văn bản, giải quyết TTHC trực tuyến, báo cáo số, vận hành TT PVHCC cấp xã, quản lý tài chính (NVCQS1, NVCQS2)	Ban hành quy định	Hướng dẫn, kiểm tra	Tổ chức thực hiện

TT	Thành phần	Trung ương	Cấp tỉnh	Cấp xã
6	TMĐT quốc gia, hiện diện số, tên miền ".vn", CKS công cộng, hóa đơn điện tử; SMEdx; OCOP, truy xuất nguồn gốc (ƯDKTS1-18)	Cung cấp	Phổ biến, hỗ trợ, kết nối doanh nghiệp	Tuyên truyền, hướng dẫn, triển khai theo địa bàn
7	Hỗ trợ hộ kinh doanh, doanh nghiệp CĐS; thanh toán số, tài chính số; hiện diện số (NVKTS1-3)	Ban hành chính sách chung	Tổ chức chương trình hỗ trợ	Tuyên truyền, hỗ trợ trực tiếp tại cơ sở
8	VNeID, Sổ sức khỏe điện tử, Học bạ số, các nền tảng XHS quốc gia (ƯDXHS1, ƯDXHS2)	Xây dựng, vận hành	Phổ biến, hỗ trợ	Tuyên truyền, hướng dẫn, phổ biến đến người dân; triển khai thực hiện.
9	Ứng dụng XHS bổ sung theo địa bàn (y tế từ xa, học trực tuyến, DVC lưu động, hỗ trợ nhóm yếu thế) (ƯDXHS9-19)		Hướng dẫn, hỗ trợ	Triển khai theo địa bàn
10	Hỗ trợ kích hoạt VNeID, Tổ công nghệ số cộng đồng, Điểm hỗ trợ CĐS (NVXHS1-3)	Ban hành định hướng	Tổ chức Phong trào "Bình dân học vụ số", hỗ trợ kinh phí, đào tạo	Tổ chức trực tiếp tại cộng đồng
LỚP 4: KÊNH TƯƠNG TÁC VÀ ĐO LƯỜNG HIỆU QUẢ				
1	Cổng DVC quốc gia (web), Ứng dụng VNeID (di động) (KTT1, KTT2)	Xây dựng, vận hành	Tích hợp, phân quyền	Khai thác, hướng dẫn người dân
2	Kênh tương tác số cấp tỉnh, hệ thống phản ánh kiến nghị tập trung (KTT4)		Xây dựng, vận hành	Tiếp nhận, xử lý theo phân cấp
3	Bàn làm việc số cấp tỉnh - Digital Workplace (KTT5)		Xây dựng, vận hành tập trung; cấp tài khoản	Khai thác qua tài khoản được cấp; không triển khai phân tán
4	TT Phục vụ hành chính công cấp xã; Trang/Cổng TTĐT cấp xã; tiếp nhận phản ánh, kiến nghị (KTT8-10)		Hướng dẫn, hỗ trợ kỹ thuật	Tổ chức vận hành, cập nhật

TT	Thành phần	Trung ương	Cấp tỉnh	Cấp xã
5	Kênh tương tác bổ sung theo địa bàn (KTT12-25)		Hướng dẫn, tích hợp dashboard tỉnh	Triển khai theo địa bàn
6	Dashboard giám sát, điều hành quốc gia; khung KPIs (ĐLHQ1, ĐLHQ2)	Ban hành, vận hành	Khai thác, phân quyền cho cấp xã	Cập nhật dữ liệu, khai thác
7	Dashboard cấp tỉnh; công cụ khảo sát hài lòng (ĐLHQ5, ĐLHQ6, ĐLHQ9)		Xây dựng, vận hành	Cập nhật dữ liệu, khai thác, khảo sát
CÁC THÀNH PHẦN XUYÊN SUỐT				
1	Vận hành - quản trị: tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy chế vận hành, hỗ trợ kỹ thuật, ATTT	Ban hành tiêu chuẩn, quy chuẩn	Vận hành tập trung, hỗ trợ kỹ thuật, quản lý tài khoản, phân quyền	Khai thác theo phân cấp, không vận hành riêng nền tảng dùng chung
2	Nguồn lực - nhân lực:			
2.1	Định hướng đào tạo, khung kỹ năng số, huy động nguồn lực	Ban hành khung kỹ năng số, hướng dẫn đào tạo	Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng; điều phối nguồn lực; huy động doanh nghiệp	Bố trí đầu mối CĐS, cử cán bộ tham gia đào tạo, huy động cộng đồng; Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng; điều phối nguồn lực; huy động doanh nghiệp
2.2	Kinh phí thực hiện	Hỗ trợ chương trình quốc gia, Đề án 06	Bố trí ngân sách tỉnh theo phân cấp; ưu tiên thuê dịch vụ CNTT	Đề xuất kinh phí, lồng ghép chương trình tại địa bàn

Ghi chú: Các mã thành phần (HTS – Hạ tầng số, ANM – An ninh mạng, DL- Dữ liệu, NTL – Nền tảng lõi, UDCQS - Ứng dụng chính quyền số, UDKTS - Ứng dụng kinh tế số, UDXHS - Ứng dụng xã hội số, KTT – Kênh tương tác, ĐLHQ – Đo lường hiệu quả, NVCQS – Nghiệp vụ Chính quyền số, NVKTS – Nghiệp vụ Kinh tế số, NVXHS – Nghiệp vụ xã hội số) tham chiếu theo Tài liệu hướng dẫn triển khai Mô hình chuyển đổi số cấp xã ban hành kèm theo Công văn số 2763/BKHCN-CĐSQG ngày 29/4/2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ.

PHỤ LỤC 02

DANH MỤC NỀN TẢNG SỐ, HỆ THỐNG THÔNG TIN, CƠ SỞ DỮ LIỆU VÀ DỊCH VỤ DÙNG CHUNG; CƠ CHẾ HỖ TRỢ KỸ THUẬT CẤP TỈNH PHỤC VỤ CẤP XÃ

(Kèm theo Hướng dẫn số /HD-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

A. Danh mục thành phần dùng chung cấp tỉnh

STT	Tên thành phần dùng chung	Đơn vị quản lý, vận hành (đối tác kỹ thuật)	Phạm vi sử dụng tại cấp xã	Cơ chế cấp tài khoản, phân quyền	Đầu mối hỗ trợ kỹ thuật
1	Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP)	Sở KH&CN	Kết nối, liên thông, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống	Cấp quyền kết nối theo hệ thống; không cấp tài khoản người dùng cuối	Trung tâm CNTT&TT
2	Trung tâm dữ liệu tỉnh; MTSLCD cấp II	Sở KH&CN	Lưu trữ, vận hành tập trung hệ thống; kết nối mạng chuyên dùng	Cấp tài nguyên theo hệ thống; quản trị tập trung	Sở KH&CN; đơn vị viễn thông
3	Trung tâm giám sát, điều hành thông minh (IOC) tỉnh	Sở KH&CN	Cập nhật dữ liệu, khai thác bảng điều hành, chỉ tiêu KPIs	Cấp quyền khai thác theo cấp quản lý	Trung tâm CNTT&TT
4	Hệ thống giám sát ATTT/SOC cấp tỉnh	Công an tỉnh	Giám sát, cảnh báo, ứng cứu sự cố ATTT cho 166 xã, phường	Theo phương án nghiệp vụ của Công an tỉnh	Công an tỉnh (đầu mối ATTT)
5	Hệ thống đăng nhập tập trung	Sở KH&CN	Đăng nhập, xác thực tập trung để truy cập các hệ thống thông tin, nền tảng số dùng chung của tỉnh	Cấp tài khoản theo nhu cầu sử dụng; phân quyền theo vai trò, chức năng và phạm vi khai thác	Trung tâm CNTT&TT
6	Hệ thống thông tin giải quyết TTHC	Văn phòng UBND tỉnh	Tiếp nhận, xử lý, số hóa hồ sơ, kết quả TTHC;	Cấp theo đơn vị xã/phường và theo vị trí	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh

STT	Tên thành phần dùng chung	Đơn vị quản lý, vận hành (đối tác kỹ thuật)	Phạm vi sử dụng tại cấp xã	Cơ chế cấp tài khoản, phân quyền	Đầu mối hỗ trợ kỹ thuật
			một cửa điện tử	việc làm; phân quyền theo quy trình	
7	Hệ thống quản lý Văn bản và Hồ sơ công việc	Sở KH&CN	Gửi/nhận văn bản điện tử, xử lý hồ sơ công việc, ký số	Cấp tài khoản theo cán bộ, công chức; phân quyền theo chức danh	Trung tâm CNTT&TT
8	Hệ thống hội nghị trực tuyến	Sở KH&CN	Họp trực tuyến, kết nối hội nghị giữa tỉnh và cấp xã	Cấp tài khoản theo nhu cầu; phân quyền quản trị, tổ chức và tham gia hội nghị	Trung tâm CNTT&TT; VNPT Thanh Hóa
9	Ứng dụng Công dân số Thanh Hóa (app Thanhhoa)	Sở KH&CN	Kênh tương tác với người dân; tra cứu, cập nhật, sử dụng.	Cấp quyền quản trị nội dung theo địa bàn	Trung tâm CNTT&TT; VNPT Thanh Hóa
10	Hệ thống thông tin báo cáo	Văn phòng UBND tỉnh	Thực hiện báo cáo số, tổng hợp và gửi báo cáo	Cấp tài khoản theo đơn vị; phân quyền nhập liệu, tổng hợp	Văn phòng UBND tỉnh
11	Hệ thống thư điện tử công vụ	Văn phòng UBND tỉnh	Gửi, nhận văn bản điện tử và trao đổi công việc	Cấp tài khoản cho cán bộ, công chức theo đơn vị	Văn phòng UBND tỉnh
12	Hệ thống Theo dõi nhiệm vụ	Văn phòng UBND tỉnh	Theo dõi nhiệm vụ của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao	Cấp tài khoản theo đơn vị; phân quyền thực hiện	Văn phòng UBND tỉnh
13	Danh mục hệ thống, CSDL chuyên ngành dùng chung khác (Phụ lục 2, Quyết định số 2053/QĐ-UBND ngày 07/7/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh)	Các đơn vị chủ quản hệ thống CSDL chuyên ngành dùng chung	Khai thác, tra cứu, cập nhật và chia sẻ dữ liệu theo chức năng, nhiệm vụ và phạm vi được phân quyền	Cấp tài khoản theo đơn vị, vị trí công tác; phân quyền theo chức năng, nghiệp vụ và phạm vi dữ liệu	Đơn vị chủ quản CSDL và đơn vị vận hành kỹ thuật theo từng hệ thống

B. Cơ chế hỗ trợ kỹ thuật

Loại yêu cầu/sự cố	Đầu mối tiếp nhận	Thời gian xử lý mục tiêu	Phối hợp
Sự cố nghiêm trọng (gián đoạn hệ thống dùng chung diện rộng)	Tổng đài/đường dây nóng Tổ hỗ trợ kỹ thuật (Trung tâm CNTT&TT)	Tiếp nhận ngay; xử lý/khắc phục trong 04 giờ làm việc	Doanh nghiệp vận hành phối hợp 24/7; đầu mối hỗ trợ kỹ thuật báo cáo ngay Lãnh đạo Sở KH&CN và Chủ tịch UBND tỉnh.
Sự cố thông thường (lỗi tài khoản, phân quyền, kết nối cục bộ)	Đơn vị chủ quản hệ thống thông tin, CSDL; Tổ hỗ trợ kỹ thuật tập trung; kênh trực tuyến	Xử lý trong 01 ngày làm việc	Sở KH&CN
Sự cố an toàn thông tin, an ninh mạng	Đầu mối ATTT - Công an tỉnh	Cảnh báo, ứng cứu theo quy trình nghiệp vụ ATTT	Sở KH&CN; đơn vị chủ quản hệ thống; các đơn vị phát triển phần mềm, hệ thống thông tin
Yêu cầu hướng dẫn khai thác dữ liệu, nền tảng	Sở KH&CN, các đơn vị chủ quản hệ thống nền tảng, dữ liệu.	Phản hồi trong 02 ngày làm việc	
Yêu cầu đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số	Sở KH&CN; gắn Phong trào "Bình dân học vụ số"	Theo kế hoạch đào tạo định kỳ và theo nhu cầu	Công an tỉnh

C. Danh mục dữ liệu cấp xã phải cập nhật và tần suất cập nhật (định hướng)

TT	Nhóm dữ liệu	Hệ thống/nền tảng cập nhật	Tần suất	Đơn vị chịu trách nhiệm
1	Hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC (số hóa)	Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh	Theo thời gian thực/khi phát sinh	UBND xã, phường
2	Dữ liệu kinh tế - xã hội địa phương	Kho dữ liệu dùng chung cấp tỉnh	Định kỳ hằng tháng/quý theo biểu mẫu và theo quy định	UBND xã, phường

TT	Nhóm dữ liệu	Hệ thống/nền tảng cập nhật	Tần suất	Đơn vị chịu trách nhiệm
3	Dữ liệu quản lý địa bàn (dân cư, hộ kinh doanh, đất đai theo phân cấp...)	Hệ thống chuyên ngành; LGSP	Theo quy định chuyên ngành/khi biến động	UBND xã, phường; sở, ban, ngành
4	Dữ liệu phản ánh, kiến nghị và kết quả xử lý	Hệ thống phản ánh, kiến nghị tập trung	Theo thời gian thực/khi phát sinh	UBND xã, phường
5	Dữ liệu phục vụ Dashboard, chỉ tiêu điều hành (KPIs)	Dashboard cấp tỉnh/IOC	Tự động trích xuất; bổ sung thủ công khi cần	UBND xã, phường
6	Dữ liệu mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp	Công cụ khảo sát hài lòng	Theo đợt khảo sát/định kỳ	UBND xã, phường
7	Dữ liệu bổ sung theo loại địa bàn (đô thị/nông thôn/đặc thù)	Hệ thống tương ứng; IOC tỉnh	Theo hướng dẫn của các đơn vị cấp tỉnh	UBND xã, phường

PHỤ LỤC 03
KHUNG LỘ TRÌNH VÀ KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG TRIỂN KHAI MÔ HÌNH CHUYỂN ĐỔI SỐ CẤP XÃ

(Kèm theo Hướng dẫn số /HD-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

TT	Nhiệm vụ trọng tâm	Sản phẩm đầu ra	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian
GIAI ĐOẠN 1 – KHỞI ĐỘNG, RÀ SOÁT VÀ CHUẨN BỊ					**Quý III – Quý IV/2026**
1	Ban hành văn bản hướng dẫn triển khai Mô hình; phổ biến, quán triệt đến các xã, phường.	Văn bản hướng dẫn của UBND tỉnh; Công văn phổ biến, quán triệt.	Sở KHCN	Các sở, ban, ngành; UBND xã, phường	Trước 15/10/2026
2	Rà soát hiện trạng và xác định nhu cầu triển khai Mô hình của từng xã, phường theo Phụ lục 04.	Báo cáo/biểu mẫu rà soát, đề xuất của các xã, phường.	UBND xã, phường	Sở KHCN; các sở, ban, ngành liên quan	Trước 30/10/2026
3	Tổng hợp, rà soát và phân loại nhu cầu; xác định danh mục thành phần dùng chung cấp tỉnh, thành phần cấp xã và nhu cầu bổ sung theo từng loại địa bàn.	Báo cáo tổng hợp; dự thảo danh mục thành phần.	Sở KHCN	Các sở, ban, ngành; UBND xã, phường	Quý IV/2026
4	Tham mưu xác định, ban hành/phê duyệt theo thẩm quyền danh mục thành phần, lộ trình triển khai và nhu cầu nguồn lực thực hiện Mô hình.	Danh mục, lộ trình và phương án nguồn lực được cấp có thẩm quyền phê duyệt.	Sở KHCN	Sở Tài chính; các sở, ban, ngành; UBND xã, phường	Quý IV/2026
5	Thiết lập cơ chế hỗ trợ kỹ thuật; rà soát, cấp tài khoản và phân quyền sử dụng các nền tảng, hệ thống dùng chung theo thẩm quyền.	Đầu mối hỗ trợ; tài khoản, phân quyền cho cấp xã.	Sở KHCN/cơ quan chủ quản hệ thống	Công an tỉnh; các sở, ban, ngành; đơn vị cung cấp dịch vụ	Quý IV/2026

TT	Nhiệm vụ trọng tâm	Sản phẩm đầu ra	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian
GIAI ĐOẠN 2 – TRIỂN KHAI, VẬN HÀNH					**Năm 2027**
6	Hoàn thiện các điều kiện thiết yếu tại cấp xã: thiết bị đầu cuối, kết nối mạng, mạng nội bộ, an toàn thông tin và các điều kiện kỹ thuật theo phân cấp.	Các điều kiện thiết yếu đáp ứng yêu cầu.	UBND xã, phường	Sở KHCN; đơn vị cung cấp dịch vụ; các cơ quan liên quan	Năm 2027
7	Tổ chức số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC; khai thác, tái sử dụng dữ liệu số theo lộ trình.	Hồ sơ, kết quả được số hóa; tỷ lệ số hóa tăng theo lộ trình.	UBND xã, phường	Văn phòng UBND tỉnh; các sở, ban, ngành	Thường xuyên
8	Cập nhật, chuẩn hóa, khai thác và chia sẻ dữ liệu địa phương trên các hệ thống dùng chung; kiểm soát chất lượng dữ liệu.	Dữ liệu được cập nhật đầy đủ, chính xác, kịp thời.	UBND xã, phường	Sở KHCN; các sở, ban, ngành	Thường xuyên
9	Đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số cho cán bộ, công chức; duy trì và phát huy Tổ công nghệ số cộng đồng.	Các lớp đào tạo; cán bộ được tập huấn; lực lượng hỗ trợ tại cơ sở được duy trì.	Sở KHCN	Sở Nội vụ; các sở, ban, ngành; UBND xã, phường	Thường xuyên
10	Hỗ trợ người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến, VNeID, thanh toán số và các dịch vụ số.	Người dân, doanh nghiệp được hướng dẫn, hỗ trợ sử dụng dịch vụ số.	UBND xã, phường	Công an tỉnh; các sở, ban, ngành; Tổ công nghệ số cộng đồng	Thường xuyên
GIAI ĐOẠN 3 – HOÀN THIỆN, NÂNG CAO					**Năm 2028 – 2030**
11	Rà soát, triển khai các thành phần bổ sung phù hợp với đặc điểm từng loại địa bàn: đô thị, nông thôn, miền núi, biên giới và các địa bàn đặc thù.	Các thành phần bổ sung được triển khai phù hợp nhu cầu và điều kiện thực tế.	Sở KHCN	Các sở, ban, ngành; UBND xã, phường	2028 – 2030
12	Nâng cao hiệu quả khai thác, tái sử dụng dữ liệu số; giảm báo cáo thủ công, giảm nhập liệu trùng lặp.	Tỷ lệ khai thác, tái sử dụng dữ liệu tăng; giảm báo cáo, nhập liệu thủ công.	UBND xã, phường	Sở KHCN; Văn phòng UBND tỉnh; các sở, ban, ngành	2028 – 2030

TT	Nhiệm vụ trọng tâm	Sản phẩm đầu ra	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian
13	Đánh giá mức độ trưởng thành chuyển đổi số cấp xã; rà soát, cập nhật Mô hình và nhân rộng các mô hình, cách làm hiệu quả.	Báo cáo đánh giá; danh mục mô hình, cách làm hiệu quả được nhân rộng.	Sở KHCN	Các sở, ban, ngành; UBND xã, phường	Hằng năm
14	Rà soát, cập nhật danh mục thành phần, nhu cầu nguồn lực và lộ trình triển khai theo tình hình thực tế và hướng dẫn của Trung ương.	Danh mục, lộ trình được cập nhật.	Sở KHCN	Các sở, ban, ngành; UBND xã, phường	Hằng năm

Ghi chú: Lộ trình triển khai thực hiện theo nguyên tắc có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với điều kiện thực tế và mức độ trưởng thành chuyển đổi số của từng địa bàn; ưu tiên khai thác các nền tảng, hệ thống, dữ liệu dùng chung do Trung ương và tỉnh cung cấp, hạn chế đầu tư trùng lặp. Các nhiệm vụ, thời gian và nguồn lực cụ thể được xác định, cập nhật trong kế hoạch chuyển đổi số hằng năm của tỉnh và của các cơ quan, địa phương.

PHỤ LỤC 04

BIỂU MẪU KHẢO SÁT HIỆN TRẠNG VÀ ĐỀ XUẤT TRIỂN KHAI MÔ HÌNH CHUYỂN ĐỔI SỐ CẤP XÃ

(Kèm theo Hướng dẫn số /HD-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

I. Mục đích

- Rà soát hiện trạng hạ tầng, nhân lực, dữ liệu, hệ thống thông tin và các điều kiện phục vụ chuyển đổi số tại các xã, phường.

- Xác định nhu cầu triển khai, bổ sung các thành phần của Mô hình phù hợp với đặc điểm, quy mô và điều kiện thực tế của từng địa bàn, ưu tiên các thành phần chưa được Trung ương hoặc cấp tỉnh cung cấp dùng chung.

- Làm cơ sở để tổng hợp, phân loại nhu cầu; tham mưu xác định danh mục thành phần, lộ trình, phương án đầu tư, thuê dịch vụ và nhu cầu kinh phí triển khai Mô hình theo quy định.

II. Nguyên tắc đăng ký

1. Ưu tiên khai thác, sử dụng các nền tảng, hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu và dịch vụ số dùng chung do Trung ương, tỉnh cung cấp; không đăng ký đầu tư, xây dựng riêng các thành phần đã được cung cấp dùng chung.

2. Chỉ đề xuất các thành phần bổ sung khi:

- Có nhu cầu thực tế, gắn với nhiệm vụ quản lý, điều hành hoặc phục vụ người dân, doanh nghiệp;

- Phù hợp đặc điểm, điều kiện và nhu cầu đặc thù của địa phương;

- Chưa có thành phần dùng chung đáp ứng yêu cầu;

- Không trùng lặp chức năng, dữ liệu với các hệ thống hiện có.

3. Mỗi đề xuất phải xác định rõ:

- Mục tiêu, nhu cầu và phạm vi sử dụng;

- Đầu mối quản lý, khai thác, cập nhật dữ liệu;

- Khả năng kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu;

- Phương án bảo đảm an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân;

- Nhu cầu đầu tư, thuê dịch vụ, kinh phí và thời gian triển khai.

III. Tổng hợp đăng ký

Nội dung đăng ký theo các bảng tổng hợp kèm theo sau đây:

BIỂU MẪU 01: THÔNG TIN CHUNG VÀ HIỆN TRẠNG CỦA XÃ, PHƯỜNG

1. Thông tin chung

STT	Nội dung	Thông tin kê khai
1	Tên xã, phường	
2	Loại địa bàn (đô thị/nông thôn /miền núi/biên giới/hải đảo)	
3	Diện tích tự nhiên (km²)	
4	Dân số (người)	
5	Tổng số cán bộ, công chức cấp xã	
6	Đầu mối phụ trách chuyển đổi số, dữ liệu, an toàn thông tin (họ tên, chức vụ, điện thoại, email)	

2. Rà soát hiện trạng

TT	Nội dung rà soát	Hiện trạng	Mức độ đáp ứng	Khó khăn, hạn chế	Nhu cầu/đề xuất	Mức độ ưu tiên	Thời gian dự kiến
I	**HẠ TẦNG VÀ THIẾT BỊ SỐ**						
1	Kết nối Internet, mạng nội bộ và các điều kiện kết nối phục vụ hoạt động của UBND xã/phường		☐ Tốt ☐ Đạt ☐ Chưa đạt			☐ Cao ☐ TB ☐ Thấp	
2	Máy tính, máy quét, thiết bị ký số và các thiết bị số phục vụ cán bộ, công chức		☐ Đủ ☐ Thiếu			☐ Cao ☐ TB ☐ Thấp	
3	Thiết bị phục vụ hội họp, hội nghị trực tuyến		☐ Đạt ☐ Cần nâng cấp ☐ Chưa có			☐ Cao ☐ TB ☐ Thấp	
4	Thiết bị phục vụ tiếp nhận, giải quyết thủ tục		☐ Đạt ☐ Chưa			☐ Cao ☐ TB	

TT	Nội dung rà soát	Hiện trạng	Mức độ đáp ứng	Khó khăn, hạn chế	Nhu cầu/đề xuất	Mức độ ưu tiên	Thời gian dự kiến
	hành chính và hỗ trợ người dân		đạt			☐ Thấp	
5	Điều kiện bảo đảm an toàn, an ninh thông tin tại địa phương		☐ Đạt ☐ Cơ bản ☐ Chưa đáp ứng			☐ Cao ☐ TB ☐ Thấp	
6	Hạ tầng số khác ……..						
II	**DỮ LIỆU VÀ NỀN TẢNG SỐ TẠI CẤP XÃ**						
1	Hồ sơ, tài liệu của xã/phường cần số hóa và lưu trữ điện tử		☐ Tốt ☐ Đạt ☐ Chưa đạt			☐ Cao ☐ TB ☐ Thấp	
2	Dữ liệu phục vụ quản lý dân cư, hộ gia đình trên địa bàn theo phạm vi, thẩm quyền		☐ Đủ ☐ Thiếu			☐ Cao ☐ TB ☐ Thấp	
3	Dữ liệu phục vụ quản lý hộ kinh doanh, cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn		☐ Đủ ☐ Thiếu			☐ Cao ☐ TB ☐ Thấp	
4	Dữ liệu phục vụ quản lý địa bàn, đất đai, xây dựng theo phân cấp		☐ Đủ ☐ Thiếu			☐ Cao ☐ TB ☐ Thấp	
5	Dữ liệu kinh tế - xã hội phục vụ quản lý, điều hành tại địa phương		☐ Đủ ☐ Thiếu			☐ Cao ☐ TB ☐ Thấp	
6	Dữ liệu phục vụ theo dõi, tổng hợp báo cáo và chỉ tiêu phát triển của địa phương		☐ Đủ ☐ Thiếu			☐ Cao ☐ TB ☐ Thấp	
7	Khả năng cập nhật, chuẩn hóa, khai thác, chia sẻ và tái sử dụng dữ liệu		☐ Tốt ☐ Một phần ☐ Chưa đáp ứng			☐ Cao ☐ TB ☐ Thấp	
8	Dữ liệu và nền tảng khác……						
III	**ỨNG DỤNG VÀ NGHIỆP VỤ TẠI CẤP XÃ**						
1	Mức độ ứng dụng công nghệ số trong xử lý		☐ Tốt ☐ Đạt ☐			☐ Cao ☐ TB	

TT	Nội dung rà soát	Hiện trạng	Mức độ đáp ứng	Khó khăn, hạn chế	Nhu cầu/đề xuất	Mức độ ưu tiên	Thời gian dự kiến
	công việc nội bộ		Hạn chế			☐ Thấp	
2	Mức độ số hóa các quy trình nghiệp vụ thuộc thẩm quyền cấp xã		☐ Tốt ☐ Đạt ☐ Hạn chế			☐ Cao ☐ TB ☐ Thấp	
3	Nhu cầu ứng dụng số phục vụ quản lý, điều hành đặc thù của địa phương		☐ Đủ ☐ Còn nhu cầu			☐ Cao ☐ TB ☐ Thấp	
4	Nhu cầu ứng dụng số phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, sản xuất, kinh doanh trên địa bàn		☐ Đủ ☐ Còn nhu cầu			☐ Cao ☐ TB ☐ Thấp	
5	Ứng dụng và nghiệp vụ khác ……						
IV	**KÊNH TƯƠNG TÁC VỚI NGƯỜI DÂN, DOANH NGHIỆP**						
1	Khả năng hỗ trợ người dân, doanh nghiệp tiếp cận và sử dụng dịch vụ số		☐ Tốt ☐ Đạt ☐ Hạn chế			☐ Cao ☐ TB ☐ Thấp	
2	Điểm hỗ trợ chuyển đổi số và lực lượng hỗ trợ tại cơ sở		☐ Tốt ☐ Hạn chế ☐ Chưa có			☐ Cao ☐ TB ☐ Thấp	
3	Kênh thông tin, tuyên truyền và tương tác số với người dân, doanh nghiệp		☐ Tốt ☐ Đạt ☐ Hạn chế			☐ Cao ☐ TB ☐ Thấp	
4	……						
V	**NHÂN LỰC VÀ KỸ NĂNG SỐ**						
1	Đầu mối phụ trách chuyển đổi số tại xã/phường		☐ Đáp ứng ☐ Còn thiếu			☐ Cao ☐ TB ☐ Thấp	
2	Kỹ năng số của cán bộ, công chức		☐ Tốt ☐ Đạt ☐ Còn hạn chế			☐ Cao ☐ TB ☐ Thấp	

TT	Nội dung rà soát	Hiện trạng	Mức độ đáp ứng	Khó khăn, hạn chế	Nhu cầu/đề xuất	Mức độ ưu tiên	Thời gian dự kiến
3	Nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số		☐ Đủ ☐ Cần bổ sung			☐ Cao ☐ TB ☐ Thấp	
4	Nhu cầu hỗ trợ kỹ thuật, vận hành và xử lý sự cố		☐ Đủ ☐ Cần bổ sung			☐ Cao ☐ TB ☐ Thấp	
5	……						

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày tháng năm ....
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ (PHƯỜNG)
CHỦ TỊCH
(Ký, đóng dấu)

BIỂU MẪU 02: ĐỀ XUẤT TRIỂN KHAI CÁC THÀNH PHẦN BỔ SUNG TRONG MÔ HÌNH CHUYỂN ĐỔI SỐ CẤP XÃ

TT	Tên nhiệm vụ/thành phần	Sự cần thiết; Dự kiến hiệu quả	Phạm vi triển khai	Đối tượng sử dụng; Mức độ sử dụng	Nhu cầu nguồn lực, kinh phí dự kiến	Hình thức đề xuất	Thời gian thực hiện
I	**Lớp 1: Hạ tầng số và An ninh mạng**						
II	**Lớp 2: Dữ liệu và nền tảng số**						
III	**Lớp 3: Ứng dụng và nghiệp vụ**						

TT	Tên nhiệm vụ/thành phần	Sự cần thiết; Dự kiến hiệu quả	Phạm vi triển khai	Đối tượng sử dụng; Mức độ sử dụng	Nhu cầu nguồn lực, kinh phí dự kiến	Hình thức đề xuất	Thời gian thực hiện
IV	**Lớp 4: Kênh tương tác và đo lường hiệu quả**						
V	**Nguồn lực - nhân lực: định hướng đào tạo, khung kỹ năng số, huy động nguồn lực**						
VI	**Nhu cầu đặc thù của địa phương**						

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày tháng năm ....
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ (PHƯỜNG)
CHỦ TỊCH
(Ký, đóng dấu)

Ghi chú:

- Chỉ đề xuất các thành phần bổ sung phục vụ nhu cầu thực tế, đặc thù của xã, phường mà các hệ thống, nền tảng, cơ sở dữ liệu, dịch vụ số dùng chung của Trung ương hoặc của tỉnh chưa đáp ứng hoặc chưa đáp ứng đầy đủ; không đề xuất đầu tư riêng đối với các thành phần đã được cung cấp, vận hành tập trung.
- Cột "Hình thức đề xuất" lựa chọn: triển khai mới; bổ sung, nâng cấp; kết nối, tích hợp; mở rộng phạm vi khai thác; thuê dịch vụ; đào tạo, hỗ trợ kỹ thuật; hoặc hình thức khác.
- Đối với cơ sở dữ liệu, nền tảng số, ứng dụng và kênh tương tác phải xác định yêu cầu kết nối, chia sẻ, tái sử dụng dữ liệu; không tạo lập riêng nếu có thể khai thác, tích hợp từ hệ thống dùng chung.
- Kinh phí chỉ ghi dự kiến; việc bố trí kinh phí thực hiện theo quy định và quyết định của cấp có thẩm quyền.
- Trường hợp xã, phường không có nhu cầu bổ sung đối với một lớp/thành phần thì ghi "Không có", không để trống.